

Số: 38/2019/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 19 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất và Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật Lao động;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 439 /TTr-STC ngày 13 tháng 12 năm 2019 về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi cho hoạt động thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất và tổ giúp việc của các Hội đồng áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất tỉnh, phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh và Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định bảng giá đất tỉnh, Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh (gọi tắt là Tổ giúp việc). Những nội dung không được quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hội đồng thẩm định bảng giá đất tỉnh, Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh.
2. Tổ giúp việc.
3. Sở Tài chính.
4. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến phạm vi điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Nội dung chi
 - a) Chi tổ chức hội nghị.
 - b) Chi làm đêm, thêm giờ có liên quan đến Hội đồng thẩm định bảng giá đất tỉnh, Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh và Tổ giúp việc.
 - c) Chi điều tra, thu thập thông tin.
 - d) Chi công tác phí.
 - đ) Chi tiền hợp Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất.
 - e) Chi xăng xe, thuê xe đi khảo sát thực địa; thuê tư vấn thẩm định giá.
 - g) Chi Văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất.
 - h) Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu và các khoản chi khác có liên quan phục vụ trực tiếp cho công tác thẩm định dự thảo bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất.

2. Mức chi

a) Chi tổ chức hội nghị, Chi công tác phí: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Ban hành quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Chi làm đêm, làm thêm giờ: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 23/2015/TT-BLĐTBXH ngày 23/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động, Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về tiền lương của Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ Luật Lao động.

c) Chi điều tra, thu thập thông tin: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia.

d) Chi tiền họp Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất:

- Người chủ trì phiên họp: 500.000 đồng/người/phiên họp.

- Các thành viên dự họp: 300.000 đồng/người/phiên họp.

đ) Chi Văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất: 500.000 đồng/văn bản thẩm định.

e) Chi xăng xe, thuê xe đi khảo sát thực địa; thuê tư vấn thẩm định giá (nếu có); Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu và các khoản chi khác có liên quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất thực hiện theo thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ theo quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2019

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các Giám đốc sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tuyên Quang và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Như Điều 5;
- Sở Tư pháp;
- Báo Tuyên Quang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng tin học và Công báo;
- Lưu: VT, (Huy. TC).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Thực